

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2019
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Phi Anh Toàn.
2. Bà Đặng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa: Nhâm Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số nhà 07, Tổ 1A, Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số nhà 07, Tổ 1A, Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 5 năm 2019, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, sống chung với nhau từ năm 1995 và đăng ký kết hôn ngày 25/7/2001 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, ông B và bà T chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tôn trọng lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên ông B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1996. Do Nguyễn Thị Thủy T đã đủ 18 tuổi nên ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 7 năm 2019, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T thống nhất với phần trình bày của ông Nguyễn Văn B về thời gian tìm hiểu, thời gian chung sống. Sau khi kết hôn, ông B và bà T chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ của bà T tại ấp 3, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Đến năm 2001, ông B và bà T chuyển về sinh sống tại tổ 1A, ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Ông B và bà T đi làm công nhân, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống, giữa bà T và ông B có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1996. Từ đầu năm 2019 cho đến nay, ông B có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên giữa ông B và bà T có xảy ra mâu thuẫn. Do bà T vẫn còn tình cảm với ông B nên trước yêu cầu của ông B thì bà T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông B có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1996. Do Nguyễn Thị Thủy T đã đủ 18 tuổi nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Hiện tại, bà T cư trú tại tổ 1A, ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý, tiến đến hôn nhân, sống chung với nhau từ năm 1995 và đăng ký kết hôn ngày 25/7/2001 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Ông Nguyễn Văn B cho rằng thời gian đầu, giữa ông B và bà T chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2012 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa, ông B xác định hiện tại ông có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và không còn tình cảm với bà T. Bà T cũng thừa nhận quá trình chung sống giữa ông B và bà T có phát sinh mâu thuẫn do ông B có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Do bà T vẫn còn tình cảm với ông B nên bà T không đồng ý ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2019 thể hiện giữa ông B và T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại, ông B và bà T vẫn sống chung nhà nhưng giữa hai người không còn quan tâm đến nhau. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Ông B và bà T không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và giữa hai người không có biện pháp để hàn gắn tình cảm nên ông B yêu cầu ly hôn với bà T là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1996. Hiện tại, Nguyễn Thị Thủy T đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đối với bà Nguyễn Thị T về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thủy T đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030568 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thế Chính

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Phi Anh Toàn

Đặng Thị Thanh

Hồ Thế Chính